

TIÊU CHÍ LỰA CHỌN VĂN BẢN TRONG ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU CỦA NEW ZEALAND

Trần Thị Phương Linh

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Email: linhttp@vnies.edu.vn

Article history

Received: 06/3/2022

Accepted: 18/4/2022

Published: 20/5/2022

Keywords

Text, text selection, text difficulty, reading comprehension, New Zealand

ABSTRACT

The selection of text in teaching as well as assessment of reading comprehension capacity is an important stage, contributing to improving the teaching efficiency and quality of assessment. Currently, the selection of documents in our country is still challenging due to a lack of a complete and suitable set of criteria for selecting text. This study summarizes experience in New Zealand's educational programme including the concept of text, text selection criteria (requirements for form, type of text, text features and difficulty of text). The results showed that the choice of text in New Zealand's assessment or teaching was carried out very meticulously, highly scientifically and clearly defined in the program and competency standards. The results of the study will be a reference to help teachers and test item writers assess students' reading skills in teaching and evaluation process.

1. Mở đầu

Trong chương trình giáo dục phổ thông hiện nay, quy định về lựa chọn văn bản, ngữ liệu chỉ dựa trên hai tiêu chí về thể loại văn bản sử dụng và số lượng từ ngữ (Bộ GD-ĐT, 2018a). Điều này rất khó cho GV trong xác định được văn bản phù hợp với HS của mình. Chương trình giáo dục của các nước rất chú trọng đến việc lựa chọn ngữ liệu với từng đối tượng HS ở mỗi bậc học, họ đưa ra một khung kỹ thuật giúp GV có cơ sở để xác định được độ phức tạp của văn bản, các mức độ văn bản tương ứng với khả năng của HS. Trong chương trình giáo dục của New Zealand, ở năng lực đọc hiểu, họ đã xây dựng các tiêu chí lựa chọn văn bản giúp những người làm giáo dục đánh giá được độ phức tạp của ngữ liệu được sử dụng. Cơ sở này đã giúp cho người làm giáo dục tiếp cận việc đánh giá năng lực đọc hiểu của HS được rõ ràng và chính xác hơn.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi giới thiệu kinh nghiệm xác định các tiêu chí lựa chọn văn bản trong đánh giá năng lực đọc hiểu trong khuôn khổ chương trình giáo dục của New Zealand với hi vọng cung cấp thêm các tư liệu để người làm giáo dục có thể tiếp cận, học hỏi và áp dụng trong công tác của mình.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái niệm văn bản

Trong chuẩn quốc gia về đọc - viết từ năm 1-8 của New Zealand, họ đã xác định rõ các thuật ngữ chung xung quanh năng lực đọc - viết để thống nhất cách hiểu chung của người sử dụng và “văn bản” được hiểu là một đoạn giao tiếp bằng lời nói, chữ viết, giao tiếp bằng hình ảnh. Ví dụ: một cuộc hội thoại, một bài thơ, một trang web, một bài phát biểu hoặc một áp phích (Ministry of Education, 2009).

Khái niệm “văn bản” của New Zealand đưa ra nhìn chung là không có sự khác biệt lớn với các khái niệm được đưa ra bởi Hiebert (2014), Putra và Lukmana (2017), Hiebert và Pearson (2014), Fitzgerald và cộng sự (2015). Các khái niệm ở đây đều nhận định văn bản là một hình thức để giao tiếp, truyền tải thông tin của con người. Văn bản có nhiều cách thức diễn đạt, chúng có thể là một đoạn văn, câu chuyện, hình ảnh hay biểu tượng.

Trong khái niệm, chúng ta thường nhầm lẫn giữa văn bản (text) và tác phẩm (word). Tác phẩm là cái cụ thể, hoàn tất và chiếm một không gian xác định trong hệ thống sách vở; trong khi đó, “văn bản” là một quá trình luôn vận hành theo các quy luật tự trị, là một lĩnh vực mang tính phương pháp luận. Tác phẩm bao hàm những cái biểu đạt, còn văn bản là tập hợp những cái được biểu đạt. Những cái được biểu đạt ấy liên tiếp và chạm lẫn nhau. Để rồi, văn bản chỉ được kinh nghiệm trong tiến trình xô đẩy, tương liên giữa mọi cái được biểu đạt, cả cái có mặt và cái vắng mặt - nói cách khác, là một tiến trình sản xuất ngữ nghĩa. Theo đó, mọi văn bản đều bất định về bản thể, đều trong quá trình vận động tạo nghĩa liên tục. Văn bản luôn dang dở, luôn phụ thuộc những yếu tố bên trong và bên ngoài, luôn tồn tại các khoảng không cần được bổ sung giá trị bằng phản ứng của việc các văn bản hòa trộn và lúc ý thức liên văn bản vận hành trong người viết lẫn người đọc (Barthes, 1977).

2.2. Tiêu chí lựa chọn văn bản của New Zealand

2.2.1. Yêu cầu về hình thức, loại văn bản, tính năng văn bản

Chương trình của New Zealand không đưa ra quy định hình thức, loại văn bản được sử dụng trong đánh giá giảng dạy, họ đưa ra khái niệm chung để thống nhất cách hiểu của người sử dụng. Sau đây là các quan niệm của chương trình New Zealand về hình thức, loại, tính năng văn bản (Ministry of Education, 2012):

- *Tính năng văn bản* là một thuật ngữ chung cho tất cả các văn bản viết, đồ họa và các đặc tính tương tác làm cho một văn bản giống hoặc khác với văn bản khác. Các tính năng của văn bản bao gồm cấu trúc chung của văn bản (được liên kết với mục đích của nó); bố cục của văn bản; việc sử dụng các tính năng ngôn ngữ trực quan (chẳng hạn như tiêu đề, bản đồ, sơ đồ và hình minh họa); ngôn ngữ được sử dụng; giọng nói và bản ghi.

- *Hình thức văn bản* là cấu trúc cơ bản của một loại văn bản với các tính năng đặc trưng, ví dụ: một bài thơ, một bài báo trên tạp chí, một bức thư gửi cho người biên tập.

- *Loại văn bản (thể loại)* là một loại văn bản cụ thể, với các tính năng và quy ước được liên kết với mục đích của văn bản, ví dụ: một bài báo minh họa để giải thích cách hoạt động của một thứ gì đó, một bức thư được viết để tranh luận về một vụ án hoặc một câu chuyện được viết để giải trí.

2.2.2. Độ khó của văn bản

Trong chương trình của New Zealand, các văn bản được chọn để học đều được cân nhắc đến độ khó của chúng đối với người học. Các văn bản có trong sách do Bộ Giáo dục cung cấp đều đã đảm bảo được độ khó thích hợp với HS và đi kèm theo đó là các thông tin về các cấp độ đọc cho từng năm. Tuy nhiên, trong quá trình giảng dạy, GV không chỉ sử dụng các tài liệu có trong sách giáo khoa, các văn bản được lấy từ nhiều nguồn khác nhau vẫn luôn là kho tư liệu dồi dào giúp GV có nhiều sự lựa chọn. Chính vì vậy, Bộ Giáo dục New Zealand đã đưa ra một khung ước lượng giúp người làm giáo dục có cơ sở để lựa chọn các văn bản phù hợp với HS ở từng năm học.

Khung ước lượng và các hướng dẫn cụ thể đều được mô tả rõ ràng và chi tiết trong những văn bản được ban hành bởi Bộ, giúp GV hoàn toàn chủ động trong việc lựa chọn cũng như xác định được độ khó phù hợp với từng đối tượng HS mà mình đang hướng tới. Khung ước lượng độ khó của văn bản trong chương trình của New Zealand được xây dựng dựa trên chuẩn quốc gia về đọc cho từng năm học.

Để lựa chọn được một văn bản, chương trình của New Zealand đã xác định độ khó của văn bản đó để xem nó phù hợp với HS ở năm học nào. Các tiêu chí để xác định độ khó của văn bản được quy định như sau (Ministry of Education, 2012): - Cấp độ chương trình giảng dạy; - Độ tuổi phù hợp; - Sự phức tạp của ý tưởng; - Cấu trúc và tính mạch lạc của văn bản; - Cấu trúc cú pháp của văn bản; - Độ khó của từ vựng; - Độ dài của văn bản.

Những yếu tố này được liên kết với các đặc điểm chính của văn bản được mô tả trong “Tiêu chuẩn quốc gia về đọc”. Những mô tả này cho thấy các văn bản ở mỗi cấp độ kế tiếp nhau trở nên phức tạp hơn về nội dung và chủ đề, cấu trúc, sự mạch lạc và ngôn ngữ. Các mô tả được phát triển cẩn thận để hướng dẫn các quyết định của GV khi họ chọn các văn bản phù hợp, không chỉ để hướng dẫn đọc mà còn cho tất cả các nhiệm vụ của chương trình học.

- *Cấp độ chương trình giảng dạy*

Tiêu chí đầu tiên khi xem xét độ khó của văn bản là nó phải phù hợp với cấp độ chương trình giảng dạy (điều này đã được quy định rõ ràng trong chương trình của New Zealand). Tuy nhiên, với những văn bản nằm ngoài sách giáo khoa, nội dung của văn bản có thể phù hợp với cấp độ của chương trình giảng dạy ở New Zealand nhưng ngôn ngữ, cấu trúc và độ phức tạp có thể khiến văn bản đó có mức độ khó cao hơn. Trong trường hợp này, người làm giáo dục vẫn có thể quyết định sử dụng văn bản cho HS nhưng sẽ cần lên kế hoạch hỗ trợ nhiều hơn cho HS trong quá trình tương tác với văn bản đó.

- *Độ tuổi phù hợp*

Một yếu tố quan trọng khi xem xét một văn bản là phải xem nội dung có phù hợp với lứa tuổi HS hay không. Để làm được điều này, có thể dựa vào một số yếu tố sau để xác định phù hợp với lứa tuổi: - Tuổi của (các) nhân vật chính trong văn bản; - Kiến thức trước đó được giả định bởi văn bản; - Độ chín cần thiết để giải quyết các chủ đề của văn bản; - Sự quen thuộc về bối cảnh và chủ đề đối với HS; - Sở thích và kinh nghiệm có thể có của HS.

Những yếu tố này đều dựa trên cảm nhận định tính, dựa trên kinh nghiệm của GV để xác định. GV là người tiếp xúc với HS nhiều nhất và nắm rõ được các đặc điểm sinh lý cũng như khả năng của HS, đồng thời dựa vào những kinh nghiệm giảng dạy, họ hoàn toàn có thể nhận định được sự phù hợp về tuổi của văn bản với HS của mình.

- Sự phức tạp của ý tưởng

Sự phức tạp của ý tưởng trong một văn bản được xác định bằng các yếu tố, cụ thể như sau: - Thông tin hoặc ý tưởng ngụ ý (yêu cầu người đọc suy luận) dấu trong văn bản; - Tính rõ ràng của ý tưởng (ý tưởng của văn bản là rõ ràng hay mập mờ); - Những ý tưởng trừu tượng (trong văn bản có chứa những ý tưởng mang tính trừu tượng); - Sự ẩn dụ và các ngôn ngữ hình tượng hoặc hàm ý khác có trong văn bản; - Thông tin kĩ thuật; - Hỗ trợ từ hình ảnh minh họa, sơ đồ, đồ thị,...

Đánh giá độ khó của văn bản liên quan đến tập hợp các yếu tố này phải tính đến các đặc điểm chính sau đây của văn bản được xác định trong Tiêu chuẩn quốc gia. Bảng dưới đây sẽ mô tả chi tiết các yếu tố về sự phức tạp của ý tưởng phù hợp với các năm học.

Năm 4	Năm 5-6
Một số ý tưởng trừu tượng được trình bày rõ ràng bởi các ví dụ cụ thể trong văn bản hoặc các ý tưởng đó dễ dàng liên kết với kiến thức trước đây của HS.	Các ý tưởng trừu tượng sẽ nhiều hơn so với văn bản ở cấp độ trước đó, kèm theo vẫn là các ví dụ cụ thể trong văn bản giúp hỗ trợ HS hiểu được.
Một số nơi mà thông tin, ý tưởng bị ẩn đi và HS cần suy luận dựa trên thông tin để tìm nắm sẵn ở trong văn bản và có rất ít hoặc không có thông tin cạnh tranh gây nhiễu.	Một số ý tưởng và thông tin được chuyển tải gián tiếp và HS buộc phải suy luận bằng cách khai thác các phần thông tin liên quan có trong văn bản.
Ngôn ngữ sử dụng trong văn bản là ngôn ngữ tượng hình, chẳng hạn: ẩn dụ, mô phỏng hoặc nhân cách hóa.	Ngôn ngữ trong văn bản mang tính tượng hình hoặc mang tính mơ hồ, không rõ ràng và HS phải dựa vào ngữ cảnh để có thể hiểu được.
Văn bản có chứa ngôn ngữ trực quan như hình ảnh, biểu đồ hỗ trợ cho các thông tin ý tưởng được nêu trong văn bản.	Hình minh họa, ảnh, hộp văn bản, sơ đồ, bản đồ, biểu đồ và đồ thị giúp làm rõ hoặc mở rộng văn bản và có thể yêu cầu một số giải thích.

- Cấu trúc và tính mạch lạc của văn bản

Điều này bao gồm các yếu tố như: - Hồi tưởng hoặc thay đổi thời gian; - Quan điểm tường thuật; - Các loại văn bản hỗn hợp; - Kết nối trên văn bản; - Ví dụ và giải thích; - Thông tin cạnh tranh; - Độ dài của đoạn văn; - Đối thoại chưa được phân bổ; - Sử dụng các tiêu đề và tiêu đề phụ.

Các yếu tố này được miêu tả cụ thể cho từng năm học như bảng dưới đây:

Năm 4	Năm 5-6
	Một số thông tin không liên quan đến mục đích đã xác định để đọc (tức là một số thông tin cạnh tranh) mà HS cần xác định và từ chối khi họ tích hợp các phần thông tin để trả lời câu hỏi.
Một cấu trúc văn bản đơn giản, chẳng hạn như cấu trúc tuân theo một dạng văn bản rõ ràng và dễ nhận biết.	Các loại văn bản hỗn hợp (ví dụ: giải thích phức tạp có thể được đưa vào như một phần của báo cáo).

- Cấu trúc cú pháp của văn bản

Điều này bao gồm các yếu tố như: - Độ dài câu; - Sự cân bằng của các câu đơn giản, ghép hoặc phức tạp; - Câu chưa hoàn chỉnh; - Danh nghĩa hóa (việc sử dụng danh từ trong đó động từ hoặc tính từ sẽ đơn giản hơn và trực tiếp hơn); - Sử dụng giọng nói bị động; - Lặp lại các từ hoặc cụm từ; - Thay đổi ở thì động từ.

Đánh giá độ khó của văn bản liên quan đến nhóm yếu tố này phải tính đến các đặc điểm chính sau đây của văn bản được xác định trong các tiêu chuẩn đọc.

Năm 4	Năm 5-6
Văn bản có chứa một số câu ghép và câu phức, có thể bao gồm hai hoặc ba mệnh đề.	Các câu khác nhau về độ dài và cấu trúc (ví dụ: các câu bắt đầu bằng nhiều cách khác nhau và các loại câu phức tạp khác nhau với một số mệnh đề phụ).

- Độ khó của từ vựng

Điều này bao gồm các yếu tố như: - Từ vựng không quen thuộc; - Thuật ngữ kĩ thuật và hàn lâm; - Từ không phải tiếng Anh; - Danh từ riêng; - Mức độ mà ảnh, hình minh họa, đồ thị, bản đồ, sơ đồ và các đặc điểm trực quan khác sẽ giúp làm rõ những từ vựng khó; - Mức độ mà các manh mối và thông tin theo ngữ cảnh ở cấp độ câu và việc sử dụng bảng chú giải hoặc chú thích sẽ giúp làm rõ những từ vựng khó hiểu.

Đánh giá độ khó của văn bản liên quan đến nhóm yếu tố này phải tính đến các đặc điểm chính sau đây của văn bản được xác định trong các tiêu chuẩn đọc.

Năm 4	Năm 5-6
Một số từ và cụm từ xuất hiện trong văn bản sẽ mang tính mơ hồ hoặc không quen thuộc với HS, nghĩa của từ và cụm từ đó sẽ được hỗ trợ bởi ngữ cảnh hoặc được làm rõ bằng ảnh, minh họa, sơ đồ, hoặc giải thích bằng văn bản.	Văn bản chứa một lượng lớn từ vựng không quen thuộc với HS (bao gồm các từ học thuật và nội dung cụ thể và cụm từ), thường được giải thích trong văn bản bằng các từ hoặc hình ảnh minh họa.

- Độ dài của văn bản

Theo quan điểm trong chuẩn của New Zealand, văn bản dài hơn thường có độ khó cao hơn. Riêng đối với những HS đọc không trôi chảy (hay những HS khó đọc) thì những văn bản có độ dài lớn sẽ là một trở ngại khó khăn với các em. Tuy nhiên, ở một số các văn bản dài đôi khi có thể bao gồm nhiều hình ảnh minh họa và ví dụ hơn. Những điều này có thể giúp giải thích và làm rõ thông tin, do đó lại làm cho văn bản trở nên dễ hiểu hơn.

Có hai phương pháp chính để xác định độ khó của văn bản: phương pháp dựa trên công thức “dễ đọc” và phương pháp sử dụng hệ thống “phân cấp văn bản”.

Công thức khả năng đọc: thường được vi tính hóa. Chúng có thể được chia thành công thức “đếm” (đếm các đặc điểm như độ dài từ và câu) và công thức “đếm và so sánh” (đếm các đặc điểm kết hợp với tính mức độ quen thuộc của các từ trong văn bản). Các công thức về khả năng đọc nói chung là nhất quán và chính xác, trong đó bất kì người hoặc máy tính nào áp dụng công thức sẽ nhận được cùng một số điểm. Tuy nhiên, chỉ đo lường khả năng đọc có thể cung cấp thông tin thiếu sót vì nó không tính đến chủ đề, khái niệm và ý tưởng của văn bản, có thể phù hợp với đối tượng lớn tuổi hơn hoặc kĩ tính hơn.

Hệ thống phân cấp văn bản: không giống như các công thức dễ đọc, hệ thống phân cấp văn bản liên quan đến các phán đoán chủ quan dựa trên các tiêu chí định tính. Họ có thể tính đến một số lượng lớn các yếu tố ảnh hưởng đến độ khó của một văn bản. Hệ thống phân cấp văn bản phụ thuộc vào sẽ có nhiều người cùng đưa ra các phán quyết cho văn bản. Do đó, sự khác biệt giữa các “thẩm phán” có thể ảnh hưởng đến độ tin cậy của các quyết định phân cấp. Để giúp các thẩm phán đưa ra các quyết định đáng tin cậy hơn, hệ thống phân cấp có thể được hỗ trợ bởi các mô tả chi tiết của từng cấp độ và các văn bản mẫu (đôi khi được gọi là văn bản chuẩn). Ngoài ra, nhiều người thường sẽ đưa ra phán xét cùng nhau.

Hệ thống phân cấp kết hợp: để tăng độ tin cậy cho những phương pháp xác định độ khó của văn bản, New Zealand đã sử dụng cả hai phương pháp xác định độ khó của văn bản là xác định tính dễ đọc (các yếu tố định lượng) và phân cấp văn bản (các yếu tố định tính). Các văn bản sử dụng sẽ được sử dụng một quy trình liên quan đến việc tính toán công thức khả năng đọc của Dale Chall (đo lường cả độ khó từ vựng và độ dài của câu) và một khung phân loại có tính đến một số yếu tố khác ảnh hưởng đến độ khó của văn bản.

Thông thường, các mức độ dễ đọc được đề xuất lấy từ chương trình máy tính hoặc công thức tiêu chuẩn chỉ tính đến một hoặc hai thước đo khách quan (ví dụ: độ dài câu) để xác định độ khó của văn bản. Đôi khi, điều này có thể tạo ra kết quả sai lệch. Để giảm thiểu điều này, việc phân cấp văn bản cũng có thể tính đến các yếu tố như: số lượng các ý tưởng và khái niệm không quen thuộc được trình bày trong văn bản; sự phức tạp của cấu trúc, cú pháp, từ vựng và các đặc điểm ngôn ngữ khác của văn bản; cách bố trí; và sự hỗ trợ bằng hình ảnh minh họa, hình ảnh và các tính năng trực quan khác.

Khi chọn một văn bản cho HS, mức độ dễ đọc được gợi ý là một yếu tố quan trọng cần xem xét nhưng điều quan trọng không kém là khả năng của GV trong việc tính đến sở thích, nhu cầu và kiến thức trước đây của HS. Công thức khả năng đọc Dale Chall kiểm tra độ dài của câu và mức độ quen thuộc của từ vựng xuất hiện trong văn bản. Kết quả này sẽ làm cơ sở và là một trong các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến độ khó của văn bản.

3. Kết luận

Từ kinh nghiệm được trình bày ở trên, có thể thấy việc lựa chọn văn bản trong đánh giá hay giảng dạy của New Zealand được thực hiện rất tỉ mỉ, có tính khoa học cao và được quy định rõ ràng trong chương trình và chuẩn năng lực. Về mặt cơ sở lí luận, họ đưa ra được khái niệm của văn bản, loại hình, hình thức văn bản để thống nhất cách hiểu cách dùng với tất cả đối tượng sử dụng, điều này đảm bảo sự nhất quán trong suốt quá trình dạy - học cũng như đánh giá. Các tiêu chí lựa chọn văn bản được xác định cụ thể và được mô tả chi tiết các biểu hiện trong từng năm học. Về mặt thực tiễn, New Zealand đã tiến hành xây dựng tài liệu hướng dẫn cụ thể nhằm chỉ dẫn GV cách thức xác định độ khó văn bản, đồng thời đưa ra các ví dụ, văn bản mẫu giúp GV dễ dàng vận dụng. Dựa trên những kinh

những từ New Zealand, chúng ta có thể vận dụng vào thực tiễn đánh giá năng lực đọc hiểu ở nước ta, cụ thể là việc lựa chọn văn bản phù hợp trong đánh giá cũng như giảng dạy.

Bài báo đã giới thiệu các tiêu chí lựa chọn và cách xác định độ phức tạp của một văn bản theo kinh nghiệm của New Zealand. Dựa vào đây có thể cung cấp thêm tư liệu giúp GV, nhà giáo dục có cơ sở để áp dụng vào công việc của mình. Có một thực tế hiện nay là việc lựa chọn văn bản để soạn thảo câu hỏi cho bài kiểm tra hoặc dùng để giảng dạy hoàn toàn phụ thuộc vào GV, người viết đề mà không có những tiêu chí thống nhất để đảm bảo văn bản nền được cung cấp trong bài kiểm tra ở trình độ tương đương là thực sự tương đương. Có thể thấy người chọn văn bản thường lựa chọn văn bản dựa trên kinh nghiệm và phán đoán của mình mà không dựa trên một cơ sở khoa học nào (tức là người lựa chọn vừa đọc tư liệu và phán đoán sự phù hợp của văn bản đối với đối tượng được kiểm tra), điều này gây ra rất nhiều những hạn chế trong việc ra đề cũng như tranh cãi về sự phù hợp của văn bản đối với các đối tượng, vì thế rất cần có những tiêu chí khách quan, khoa học trong việc lựa chọn văn bản, vừa tăng hiệu quả sử dụng lại đảm bảo giá trị của các câu hỏi do nhiều tác giả khác nhau biên soạn.

Khâu lựa chọn văn bản đọc hiểu được coi là khâu quan trọng trong việc biên soạn đề và có ý nghĩa quyết định đối với chất lượng của đề kiểm tra và giảng dạy. Nhiều GV, người ra đề khi lựa chọn văn bản không xác định được văn bản đó có phù hợp với HS hay không; tiêu chí duy nhất giúp họ xác định là văn bản được lấy ở sách giáo khoa cấp/ lớp nào thì dùng cho bài kiểm tra ở cấp/ lớp ấy. Còn đối với những văn bản bên ngoài sách giáo khoa thì hoàn toàn dựa vào kinh nghiệm và cảm nhận của người ra đề kiểm tra, chứ không có cứ liệu khoa học để xác định là phù hợp hay không. Từ những kinh nghiệm được trình bày trong bài báo, tác giả hi vọng mang đến một cơ sở khoa học đầy đủ giúp GV, người làm giáo dục có thể sử dụng nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong công việc của mình.

Lời cảm ơn: Tác giả cảm ơn sự tài trợ của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam qua đề tài “Kinh nghiệm quốc tế về việc lựa chọn văn bản trong đánh giá năng lực ngôn ngữ ở cấp tiểu học”, mã số: V2021-04.

Tài liệu tham khảo

- Barthes, R. (1977). *Image music text*. Fontana Press.
- Bộ GD-ĐT (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2018b). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Fitzgerald, J., Elmore, J., Koons, H., Hiebert, E. H., Bowen, K., Sanford-Moore, E. E., & Stenner, A. J. (2015). Important text characteristics for early-grades text complexity. *Journal of Educational Psychology, 107*(1), 4-29. <https://doi.org/10.1037/a0037289>
- Hiebert, E. H. (2014). *What's Complex in Text Complexity?*. International Reading Association.
- Hiebert, E. H., & Pearson, P. D. (2014). Understanding Text Complexity: Introduction to the Special Issue. *The Elementary School Journal, 115*(2), 153-160. <https://doi.org/10.1086/678446>
- Ministry of Education (2009). *Reading and writing standards for year 1-8*. The New Zealand Curriculum. <https://nzcurriculum.tki.org.nz/content/download/3168/47258/file/Reading%20&%20Writing.pdf>
- Ministry of Education (2012). *Selecting Texts for Students in Years 4-8*. The New Zealand Curriculum Update. <https://nzcurriculum.tki.org.nz/content/download/17060/180073/file/NZC-update-19.pdf>
- Putra, D. A., & Lukmana, I. (2017). Text complexity in senior high school English textbooks: a systemic functional perspective. *Indonesian Journal of Applied Linguistics, 7*(2), 436-444. <https://doi.org/10.17509/ijal.v7i2.8352>